

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP SÔNG CON

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

Nghệ An, ngày 06 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP SÔNG CON

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

Nghệ An, ngày 06 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company

Năm báo cáo/Year

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con/ Song Con agriculture joint stock company

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 2900329834, đăng ký lần đầu vào ngày 19/03/2007, đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 24/06/2019.

- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 20.760.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:

- Địa chỉ/ *Address*: Tân Phú-Tân Kỳ-Nghệ An

- Số điện thoại/ *Telephone*: 0238 3887 656

- Số fax/ *Fax*: 0238 3887 116

- *Website*: nongnghiepsongcon.com

- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: SCA

Quá trình hình thành và phát triển/ *Incorporation and development process*

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*):

* Ngày 25/12/1955: có tên gọi là Nông trường Quốc doanh Sông Con;

* Ngày 26/04/2006: sáp nhập hai nông trường đổi tên thành Công ty nông nghiệp Sông Con;

* Tháng 11/2000: đổi tên thành công ty TNHH MTV nông nghiệp Sông Con

* Ngày 08/08/2018: đổi tên thành công ty CPNN Sông Con

- Các sự kiện khác/Other events

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

| STT | TÊN NGÀNH | MÃ NGÀNH |
|-----|--|--------------|
| 1 | Trồng cây cao su | 0125 (chính) |
| 2 | Trồng cây ăn quả | 0121 |
| 3 | Trồng cây mía | 0114 |
| 4 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 2012 |
| 5 | Chế biến và bảo quản rau quả | 1030 |
| 6 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 2219 |
| 7 | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm | 0131 |
| 8 | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm | 0132 |
| 9 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: - kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - kinh doanh gas, dầu hỏa, than, nhiên liệu dùng cho gia đình,... | 4661 |
| 10 | Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Cụ thể: - bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - bán lẻ gas, dầu hỏa, than, nhiên liệu dùng cho gia đình,... | 4773 |
| 11 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: - Bán lẻ xăng dầu, nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - bán lẻ dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. | 4730 |

- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations

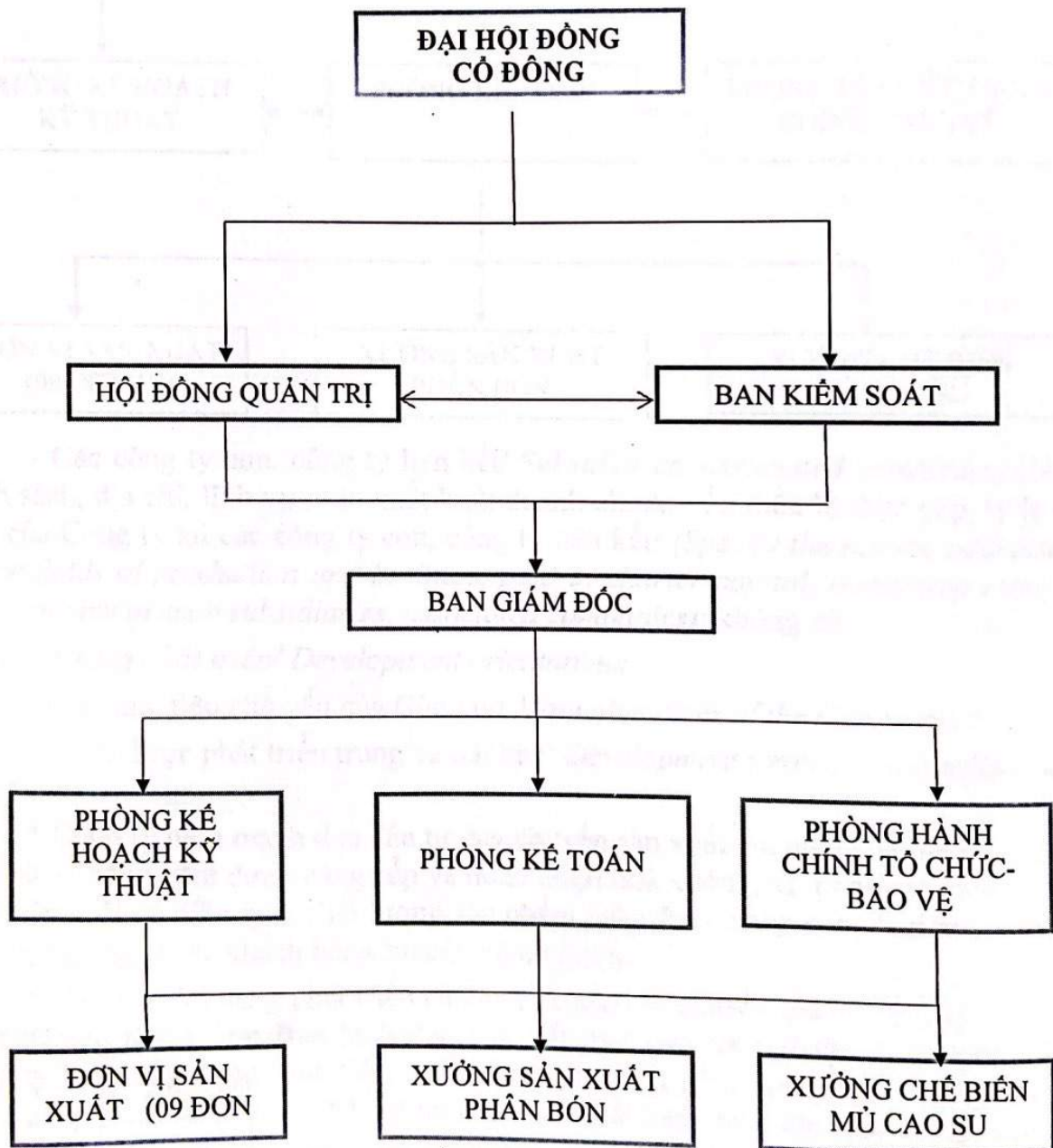
of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

+ Thị trường kinh doanh trong nội vùng;

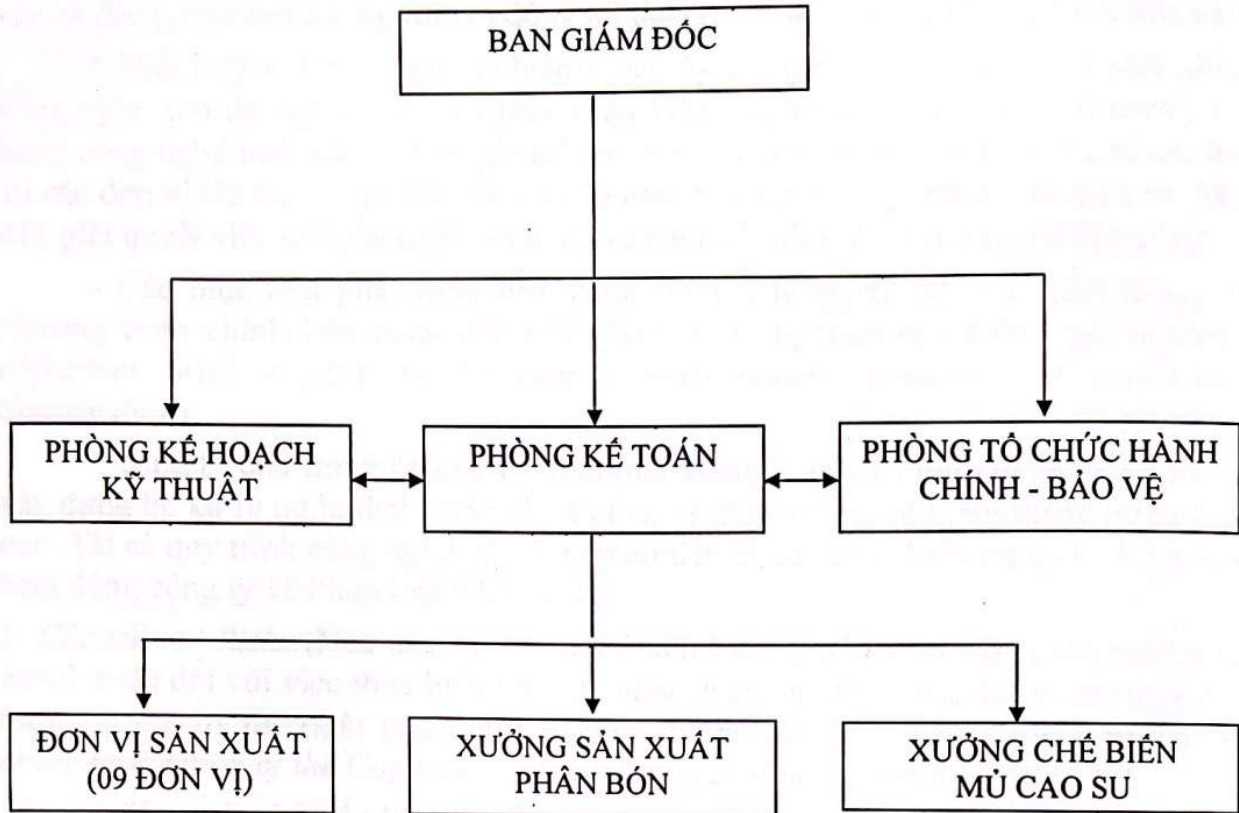
+ Sản phẩm mù cao su thành phẩm xuất bán cho thương lái trong vùng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model.



- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*): không có

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term:*

* Công ty luôn mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất mủ cốm chất lượng cao từ năm 2010, hằng năm được nâng cấp và hoàn thiện nhà xưởng, xử lý môi trường, đã và đang sản xuất có hiệu quả, chất lượng sản phẩm luôn được nâng cao, đảm bảo chữ tín trên thị trường, được khách hàng tin cậy và ưa thích.

* Trước tiềm năng phát triển của ngành, sau khi chuyển thành Công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con Ban lãnh đạo vẫn tiếp tục làm tốt nghiệp vụ chuyên môn. Công ty luôn xây dựng mục tiêu, chiến lược phù hợp gồm: quản lý và khai thác có hiệu quả quỹ đất được giao nhằm phát triển sản xuất hàng hóa (chủ yếu là cây Cao su, Cam, mô hình trình diễn, sản xuất giống các loại); thực hiện đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng doanh thu và lợi nhuận. Chủ động phát huy, phát triển nguồn vốn của

các cổ đông, của cán bộ, người lao động tại doanh nghiệp, vốn do liên doanh liên kết;

* Phối hợp với Nhà đầu tư chiến lược xây dựng trung tâm sản xuất mía giống công nghệ cao để nghiên cứu và thực hiện việc sản xuất mía giống chất lượng cao bằng công nghệ nuôi cấy mô và giâm hom, nhằm cung cấp cho toàn vùng nhiên liệu và các đơn vị lân cận; góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng hiệu quả sử dụng đất, giải quyết việc làm, ổn định thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*:

* công ty chú trọng bảo vệ hệ sinh thái xung quanh xưởng chế biến, kế hoạch xây dựng bể xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường sẽ hoàn thành trong năm nay. Tất cả quy trình công nghệ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định, an toàn, đúng theo hoạt động công ty và Pháp luật Nhà nước.

5. *Các rủi ro/ Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường) / *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*.

- Sản xuất chủ yếu là sản phẩm nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Thị trường sản phẩm không ổn định, một số sản phẩm chưa có đầu ra, cây trồng và vật nuôi mất mùa.

- Phần lớn các hộ nhận khoán là manh mún, không tập trung, địa hình không đồng nhất, khó khăn cho việc cơ giới hoá các khâu trong sản xuất nông nghiệp, năng suất và chất lượng các loại sản phẩm còn thấp, chưa mang lại hiệu quả cao cho người nhận khoán.

- Giá cả nguyên liệu, phân bón, thức ăn chăn nuôi trong năm tăng quá cao ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người lao động

- Trong năm, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thiên tai dịch bệnh liên miên, điều này ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền nông nghiệp nói riêng. Hoạt động sản xuất phụ thuộc rất lớn vào thiên nhiên nên năm qua quả thực là một năm đáng để quên với nền nông nghiệp. “Tê liệt, trì trệ” là tất cả những thực tế chúng ta phải chấp nhận trong năm qua. Nhưng bằng sự cố gắng của ban điều hành cùng toàn thể các cán bộ công nhân viên công ty, năm qua công ty có nhiều nỗ lực đáng ghi nhận.

- Giá cả mặt hàng vật tư nông nghiệp, nhân công phục vụ sản xuất cao, làm giảm khả năng đầu tư của một bộ phận khá lớn người lao động, chất lượng vườn cao su giảm thấp xuống do ảnh hưởng thời tiết (hạn hán, bão); giá bán mặt hàng cao su ở

mức độ trung bình làm ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập, đời sống nhân dân lao động, tác động trực tiếp đến tình hình thực hiện kế hoạch của công ty;

- Một số bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong công tác quản lý điều hành ở từng bộ phận; đôi lúc còn có biểu hiện về tư tưởng không ổn định trong công tác. Một số bộ phận công nhân có ý thức kém trong việc xây dựng công ty và đi trái với Nội quy lao động, TULĐTT, Cơ chế chính sách quản lý và không đúng với chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm như sau:

| CHỈ TIÊU | ĐVT | 31/12/2020 |
|--|-----|------------|
| Chi tiêu về khả năng thanh toán: | Lần | |
| - Hệ số thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn | | 2,01 |
| - Hệ số thanh toán nhanh: (tài sản ngắn hạn – HTK)/ Nợ ngắn hạn | | 1,67 |
| Chi tiêu về cơ cấu vốn: | Lần | |
| - Tỷ số nợ trên tài sản: Tổng nợ/tổng tài sản | | 0,44 |
| - Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu: Tổng nợ/vốn chủ sở hữu | | 0,78 |
| Chi tiêu về khả năng sinh lời: | | |
| - Hệ số LNST/DTT | % | 0,7 |
| - Hệ số LNST/VCSH | % | 1,99 |
| - Hệ số LNST/Tổng tài sản | % | 1,08 |
| - Hệ số LNT từ HĐKD/DTT | % | 0,5 |
| - Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần | % | 1,99 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021)

- Các khoản phải nộp theo pháp luật:

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 |
|--|----------------------------|--------------------|
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | 283.506.777 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 111.146.567 |
| 3 | Thuế nhà đất | - |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | | 394.653.344 |

(nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

- Các khoản phải thu:

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-----|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | I. Phải thu ngắn hạn: | 19.010.916.250 | 10.345.124.823 |
| | - Phải thu khách hàng | 9.227.195.104 | 2.985.323.876 |
| | - Trả trước cho người bán | 38.400.000 | 29.039.350 |
| | - Phải thu ngắn hạn khác | 9.976.315.039 | 7.330.761.597 |
| 2 | II. Nợ phải thu dài hạn | 5.462.319.890 | 4.532.396.996 |
| 3 | Tổng | 23.399.979.646 | 14.881.521.819 |

(nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

- Các khoản phải trả:

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|----------------------|----------------------|
| I. Nợ ngắn hạn: | 4.321.205.988 | 2.900.777.898 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 12.803.691.045 | 2.383.229.820 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 175.296.809 | 106.862.809 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 394.653.344 | 174.201.179 |
| 4. Phải trả người lao động | 584.081.500 | 30.000.000 |

| | | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 361.040.617 | 191.741.377 |
| 6. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 2.442.673 | 14.724.673 |
| II. Nợ dài hạn: | | |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 2.411.975.000 | 2.411.975.000 |
| Tổng nợ phải trả: | 16.733.183.988 | 5.312.752.898 |

(nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

- Danh sách Ban điều hành:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Số cổ phiếu sở hữu |
|-----|-----------------|----------------|--------------------|
| 1 | Võ Hồng Điềm | Giám đốc | 157.000 |
| 2 | Nguyễn Quốc Mão | Phó giám đốc | 776.260 |
| 3 | Vũ Quang Đông | Kế toán trưởng | 0 |

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*): Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies*.

Danh sách cán bộ, quản lý đến thời điểm 31/12/2021

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|-------------------|-----------------|
| 1 | Phạm Hồng Thanh | TP kế hoạch |
| 2 | Nguyễn Đình Sỹ | Cán bộ kỹ thuật |
| 3 | Nguyễn Văn Phương | Cán bộ kỹ thuật |

| | | |
|----|------------------------|-------------------|
| 4 | Nguyễn Trọng Chiến | Cán bộ kỹ thuật |
| 5 | Thái Bá Hồng | Tài vụ |
| 6 | Hoàng Thị Khuyên | Tài vụ |
| 7 | Trần Thị Thúy | Thủ quỹ |
| 8 | Nguyễn Trà Giang | Văn thư |
| 9 | Ngô Xuân Bảy | Bảo vệ |
| 10 | Nguyễn Trọng Bằng | ĐT Đức Thịnh |
| 11 | Nguyễn Duy Vinh | KT Đức Thịnh |
| 12 | Đặng Văn Nam | ĐT Tân Lương |
| 13 | Nguyễn Thị Ánh Vân | KT Tân Lương |
| 14 | Trần Thị Hương | ĐT Nhất Đồng Suu |
| 15 | Cao Thị Lệ | KT Nhất Đồng Suu |
| 16 | Trần Văn Cơ | ĐT Thái Yên Phong |
| 17 | Nguyễn Thị Hào | KT Thái Yên Phong |
| 18 | Đặng Ngọc Thuần | ĐT Xuân Lý |
| 19 | Giản Viết Trường | ĐT Minh Phúc |
| 20 | Lê Thị Minh Quyên | ĐT Tân Long |
| 21 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | KT Long Lập Thắng |
| 22 | Lưu Văn Vỹ | ĐT Lập Thắng |
| 23 | Nguyễn Thị Nghĩa | ĐT Hồ Thành |
| 24 | Đặng Hoài Nam | KT Hồ Thành |

- Công tác thực hiện chế độ, chính sách:

- * Có 100% đối tượng HĐLĐ được ký kết HĐLĐ;
- * Đã thực hiện việc cấp 100% sổ BHXH, thẻ BHYT, kịp thời, chính xác; Một số trường hợp sai, hỏng được sửa đổi, cấp lại.
- * Thực hiện các chính sách hỗ trợ, phụ cấp, trợ cấp:
 - + Giải quyết ốm đau, thai sản 780 triệu đồng
 - + Tuyển dụng lao động mới 24 người
 - + Tổ chức nâng bậc lương 166 người
 - + Hoàn thành nghĩa vụ Bảo hiểm xã hội với số tiền là 7.184 triệu đồng.
 - + Chính sách nhà nước hỗ trợ dịch COVID-19 trong năm 2021 cho tổng số 540

lao động với số tiền là 1.648,25 triệu đồng.

+ Giảm số tiền phải đóng quỹ BHTN= 1% (1/10/2021 đến 30/06/2022) tương đương số tiền là: 234,951 triệu đồng

+ Giảm số tiền phải đóng vào quỹ BHTNLĐ, BNN = 0,5% từ 01/07/2021-30/06/2022) tương đương số tiền là: 118,42 triệu đồng

* Thực hiện các hoạt động xã hội:

+ Thực hiện chế độ hiếu, hỷ: 17,36 triệu đồng

+ Quà ngày thương binh liệt sĩ: 7,05 triệu đồng

+ Quà cho các cháu nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu và khuyến học: 26,470 triệu đồng

+ Hỗ trợ quỹ vì người nghèo: 8 triệu đồng

+ Chi mang tính chất xã hội khác: 22,3 triệu đồng

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets: không*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies): Không*

4. *Tình hình tài chính/ Financial situation*

a) *Tình hình tài chính/ Financial situation*

| Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i> | Năm 2021 | Năm 2020 | % tăng giảm/ % change |
|--|-----------------|-----------------|------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> | 38.194.710.805 | 26.360.811.014 | 1,45 |

| | | | |
|--|----------------|----------------|------|
| Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i> | 59.453.944.802 | 40.857.730.026 | 1,46 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i> | 282.686.271 | 20.479.724 | 13,8 |
| Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> | 241.931.997 | 69.045.574 | 3,05 |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> | 524.618.268 | 89.525.298 | 5,86 |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i> | 413.471.701 | 75.783.740 | 5,46 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> | 199 | 37 | 5,38 |

- Các chỉ tiêu khác/*other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

* Tài sản dở dang dài hạn:

+ Xây dựng cơ bản dở dang:

ĐVT: đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/202 | 01/01/2021 |
|--------------|--------------------------|--------------------|----------------------|
| 1 | Vốn trồng rừng 327 | 300.341.996 | 300.341.996 |
| 2 | Xưởng sản xuất NPK | - | 288.121.000 |
| 3 | Vườn ươm cao su | - | 138.901.157 |
| 4 | Hội trường đội Lập Thắng | - | 66.034.000 |
| 5 | Hội trường đội Minh Phúc | - | 95.093.000 |
| 6 | Chi phí làm vườn cam | - | 1.114.786.537 |
| Tổng: | | 300.341.996 | 2.003.277.690 |

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021)

- Nợ phải thu:

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-----|----------------------|---------------|---------------|
| 1 | Nợ ngắn hạn phải thu | 9.227.195.104 | 2.985.323.876 |
| 2 | Nợ phải thu khác: | | |
| | - Ngắn hạn: | 9.976.315.039 | 7.330.761.597 |
| | - Dài hạn: | 4.389.063.396 | 4.532.396.996 |

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán cho năm 2021)

*** Tình hình nợ phải trả**

- Phải trả người bán:

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--------------|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | | Giá trị | Khả năng thanh toán | Giá trị | Khả năng thanh toán |
| 1 | Công ty CP vật tư nông nghiệp Tân Kỳ | 26.200.000 | 26.200.000 | 17.800.000 | 17.800.000 |
| 2 | Công ty CP công nông nghiệp Tiên Nông | 2.143.450.000 | 2.143.450.000 | 1.645.805.000 | 1.645.805.000 |
| 3 | Đối tượng khác | 10.634.041.045 | 10.634.041.045 | 719.624.820 | 719.624.820 |
| Tổng: | | 12.803.691.045 | 12.803.691.045 | 2.383.299.820 | 2.383.299.820 |

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 trang 18)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

| Chỉ tiêu/ Benchmarks | Năm 2021 | Năm 2020 | Ghichú/Note |
|---|----------|----------|-------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) | 1,99 | 5.73 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: | | | |
| <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt | 1,67 | 3.81 | |

| | | | |
|---|-------|--------|--|
| 2. Chi tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) | 0,5 | 0,2 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>) | 0,89 | 0,25 | |
| 3. Chi tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>) | 1,56 | 1,55 | |
| 4. Chi tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) | 0,008 | 0,0019 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) | 0,023 | 0,0036 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) | 0,013 | 0,0029 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>) | 0,005 | 0,0005 | |
| | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

Phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign*

countries or underwrote the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần: 2.760.000 cổ phần

* Trong đó:

+ Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 31/12/2020:

| TT | Cổ đông | Số CMTND / hộ chiếu | Địa chỉ | Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu%/vốn điều lệ |
|-------------------|-------------------------------|---------------------|---|------------------|---------------------------|
| 1 | UBND tỉnh Nghệ An | | Số 3 Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An | 771.760 | 37.18 |
| 2 | Công ty CP mía đường Sông Con | 2900324917 | Khối 5 thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, Nghệ An | 638.440 | 30.75 |
| 3 | Ông: Võ Hồng Điềm | 181765115 | Tân Long. Tân Kỳ, Nghệ An | 157.000 | 7.56 |
| Tổng cộng: | | | | 1.567.200 | 75.49 |

+ Công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con được chuyển đổi từ mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn, vì vậy CTCP Nông nghiệp Sông Con không có cổ đông sáng lập.

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

+ Cơ cấu cổ đông của công ty tính đến ngày 31/12/2020:

| Cổ đông | | Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ % |
|--------------------|--------------------|-----------------|---------|
| Cổ đông trong nước | Cổ đông là tổ chức | 1.410.200 | 67,93 |
| | Cổ đông là cá nhân | 665.800 | 32,07 |
| Cổ đông nước ngoài | Cổ đông là tổ chức | 0 | 0 |
| | Cổ đông là cá nhân | 0 | 0 |

| | | |
|-------------------|------------------|------------|
| Tổng cộng: | 2.076.000 | 100 |
|-------------------|------------------|------------|

+ Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 31/12/2020:

| TT | Cổ đông | Số CMTND / hộ chiếu | Địa chỉ | Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu%/vốn điều lệ |
|-------------------|-------------------------------|---------------------|---|------------------|---------------------------|
| 1 | UBND tỉnh Nghệ An | | Số 3 Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An | 771.760 | 37.18 |
| 2 | Công ty CP mía đường Sông Con | 2900324917 | Khối 5 thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, Nghệ An | 638.440 | 30.75 |
| 3 | Ông: Võ Hồng Điềm | 181765115 | Tân Long. Tân Kỳ, Nghệ An | 157.000 | 7.56 |
| Tổng cộng: | | | | 1.567.200 | 75.49 |

+ Công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con được chuyển đổi từ mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn, vì vậy CTCP Nông nghiệp Sông Con không có cổ đông sáng lập.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc*: **Không có**

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: **Không có**

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance*: **Không**

có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment:*

không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment:*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Tổng số lao động trong năm 2021 tính đến thời điểm 31/12/2021 là 561 lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Laborpolicies to ensure health, safety and welfare of workers.*

* Có 100% đối tượng HĐLĐ được ký kết HĐLĐ;

* Đã thực hiện việc cấp 100% sổ BHXH, thẻ BHYT, kịp thời, chính xác; Một số trường hợp sai, hỏng được sửa đổi, cấp lại.

* Thực hiện các chính sách hỗ trợ, phụ cấp, trợ cấp:

+ Giải quyết ốm đau, thai sản 780 triệu đồng

+ Tuyển dụng lao động mới 24 người

+ Tổ chức nâng bậc lương 166 người

+ Hoàn thành nghĩa vụ Bảo hiểm xã hội với số tiền là 7.184 triệu đồng.

+ Chính sách nhà nước hỗ trợ dịch COVID-19 trong năm 2021 cho tổng số 540 lao động với số tiền là 1.648,25 triệu đồng.

+ Giảm số tiền phải đóng quỹ BHTN= 1% (1/10/2021 đến 30/06/2022) tương đương số tiền là: 234,951 triệu đồng

+ Giảm số tiền phải đóng vào quỹ BHTNLĐ, BNN = 0,5% từ 01/07/2021-30/06/2022) tương đương số tiền là: 118,42 triệu đồng

* Thực hiện các hoạt động xã hội:

+ Thực hiện chế độ hiếu, hỷ: 17,36 triệu đồng

+ Quà ngày thương binh liệt sĩ: 7,05 triệu đồng

+ Quà cho các cháu nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu và khuyến học: 26,470 triệu đồng

+ Hỗ trợ quỹ vì người nghèo: 8 triệu đồng

+ Chi mang tính chất xã hội khác: 22,3 triệu đồng

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

* Thực hiện các hoạt động xã hội:

+ Thực hiện chế độ hiếu, hỷ: 17,36 triệu đồng

+ Quà ngày thương binh liệt sĩ: 7,05 triệu đồng

+ Quà cho các cháu nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu và khuyến học: 26,470 triệu đồng

+ Hỗ trợ quỹ vì người nghèo: 8 triệu đồng

+ Chi mang tính chất xã hội khác: 22,3 triệu đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ *the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*
 Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2021:

| STT | Hạng mục | ĐVT | Sản lượng | | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----|-----------|-----|----------------------|--------------|---------|
| | | | KH | TH | | | |
| 1 | Mủ cao su (cóm) | Tấn | 360 | 510 | 15,555 | 141,6 | |

| | | | | | | | |
|--------------|-------------------------|------|-----------|----------|---------------|--------|--|
| 2 | Trồng mới cao su | Ha | 23,8 | 22,92 | | 96 | |
| 3 | Mía cây | Tấn | 26.693,65 | 25.226,6 | 28,8496 | 94,5 | |
| 4 | Mía trồng mới | Ha | 110,42 | 110,42 | | 100 | |
| 5 | Cam quả | Tấn | 640,9 | 129 | 1,29 | 20,1 | |
| 6 | Quýt quả | Tấn | 294,45 | 228 | 0,912 | 77,4 | |
| 7 | Lúa | Tấn | 939,37 | 778 | 5,057 | 82,8 | |
| 8 | Ngô | Tấn | 1536,22 | 1517 | 9,860 | 98,7 | |
| 9 | Luân canh giá trị | Tỷ đ | 0,2376 | 0,279 | 0,548 | 85,1 | |
| 10 | Cá thịt | Tấn | 220 | 213 | 5,759 | 96,8 | |
| 11 | Sản xuất phân NPK 8-4-8 | Tấn | 660 | 204 | | 32,9 | |
| 12 | Dịch vụ vật tư NN | Tỷ đ | | | | 10,185 | |
| Tổng: | | | | | 78,030 | | |

b. Thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------|-------------------|--------------------|---------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tr.đồng | 20.760 | 20.760 | |
| 2 | Tổng số lao động | Người | 28 | 27 | |
| 3 | Tổng quỹ lương | Tr đồng | 2.700 | 3.180,157 | |
| 4 | Tổng doanh thu | Tr đồng | 44.723 | 59.977,6 | |
| 5 | Tổng chi phí | Tr đồng | 44.228,725 | 59.421,122 | |
| 6 | Lợi nhuận thực hiện | TR Đồng | 400 | 494,930 | |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | Tr Đồng | 352 | 413,471 | |

| | | | | | |
|----|-------------------|---------|-------|--------|--|
| 8 | LNST/vốn điều lệ | % | 1,69% | 1,99% | |
| 9 | Lãi cơ bản cổ tức | Đồng | 169 | 199 | |
| 10 | Trích lập các quỹ | Tr.đồng | | 75,783 | |

- Đầu tư vườn quýt tập trung (hoàn thành thời gian kiến thiết cơ bản đưa vào kinh doanh): 1.254.753.000 đồng

- Đầu tư làm đường nguyên liệu theo dự án đến nay đã hoàn thành 95% kế hoạch

- Đầu tư tu sửa đường nội đồng: 235.000.000 đồng

- Đầu tư vườn ươm giống cao su: 133.401.157 đồng

- Công tác dịch vụ vật tư phân bón các loại và thức ăn chăn nuôi cá: 10.184.718.000 đồng đạt 130,57% kế hoạch.

- Đầu tư bảo dưỡng, sửa chữa lớn dây chuyền sản xuất mù cao su: 171.520.340 đồng

- Đầu tư xây dựng hồ chứa nước thải xưởng chế biến: 414.721.031 đồng.

- Đầu tư xây dựng dây chuyền sx phân NPK: 26.120.166 đồng

c. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng giá trị sản phẩm sản xuất đạt 78,030 tỷ đồng đạt 106% kế hoạch

* Trong đó:

+ Doanh thu đạt 59.977.215.000đ đạt 134% kế hoạch

+ Thực hiện nghĩa vụ ngân sách: 693.491.647 đồng đạt 100% kế hoạch

+ Lợi nhuận sau thuế: 413.471.701đ/352.000.000 đồng đạt 117,46% kế hoạch.

d. Doanh thu tăng so với kế hoạch đưa ra do một số nguyên nhân sau:

+ Sản lượng mù V10 tăng 150 tấn so với kế hoạch, giá cả thị trường tăng;

+ Giá mía nguyên liệu tăng;

+ Giá cả vật tư phân bón tăng, do đó doanh thu đạt và vượt kế hoạch. Trong đó đáng lưu ý là tăng thêm về dịch vụ đầu tư phân bón, giống các loại, hợp đồng đại lý cấp I với Tiến nông và Đạm Cà Mau, đã từng bước đi vào ổn định và được người lao động ghi nhận về chất lượng sản phẩm

e. Các chỉ tiêu khác Giảm hoặc không đạt nguyên nhân chủ yếu do nắng hạn kéo dài, gây ảnh hưởng đến năng suất; giá cả vật tư phân bón cao dẫn đến đầu tư thâm canh bị

hạn chế. Vườn cao su ảnh hưởng của các cơn bão qua từng năm gây thiệt hại về số lượng và chất lượng.

- Công tác lãnh đạo chưa sâu sát đến một số điểm, một số việc, chưa đôn đốc kịp thời. Một số bộ phận người lao động nhận khoán còn thiếu trách nhiệm xây dựng đơn vị và Công ty.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

* Các chỉ tiêu khác cơ bản đạt kế hoạch trong đó đáng lưu ý là tăng thêm được dịch vụ đầu tư phân bón, giống các loại và xây dựng 02 hợp đồng phân bón đại lý: cấp I đạm Cà Mau và cấp I phân bón Tiến Nông. Đã từng bước đi vào ổn định và được người lao động ghi nhận về chất lượng sản phẩm.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

- Tài sản dở dang dài hạn:
- + Xây dựng cơ bản dở dang:

ĐVT: đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--------------|--------------------------|--------------------|----------------------|
| 1 | Vốn trồng rừng 327 | 300.341.996 | 300.341.996 |
| 2 | Xưởng sản xuất NPK | - | 288.121.000 |
| 3 | Vườn ươm cao su | - | 138.901.157 |
| 4 | Hội trường đội Lập Thắng | - | 66.034.000 |
| 5 | Hội trường đội Minh Phúc | - | 95.093.000 |
| 6 | Chi phí làm vườn cam | - | 1.114.786.537 |
| Tổng: | | 300.341.996 | 2.003.277.690 |

-Nợ phải thu:

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-----|----------------------|---------------|---------------|
| 1 | Nợ ngắn hạn phải thu | 9.227.195.104 | 2.985.323.876 |

| | | | |
|---|-------------------|---------------|---------------|
| 2 | Nợ phải thu khác: | | |
| | - Ngắn hạn: | 9.976.315.039 | 7.330.761.597 |
| | - Dài hạn: | 4.389.063.396 | 4.532.396.996 |

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán cho năm 2021)

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Phải trả người bán:

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--------------|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | | Giá trị | Khả năng thanh toán | Giá trị | Khả năng thanh toán |
| 1 | Công ty CP vật tư nông nghiệp Tân Kỳ | 26.200.000 | 26.200.000 | 17.800.000 | 17.800.000 |
| 2 | Công ty CP công nông nghiệp Tiến Nông | 2.143.450.000 | 2.143.450.000 | 1.645.805.000 | 1.645.805.000 |
| 3 | Đối tượng khác | 10.634.041.045 | 10.634.041.045 | 719.624.820 | 719.624.820 |
| Tổng: | | 12.803.691.045 | 12.803.691.045 | 2.383.299.820 | 2.383.299.820 |

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 trang 18)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Duy trì nghiêm chế độ làm việc và thời gian nghỉ ngơi theo đúng quy định của bộ luật lao động, vận dụng sát đúng vào điều kiện cụ thể của công ty. Các chế độ về BHXH, BHYT, về tiền lương, hỗ trợ cuối năm, trợ cấp ốm đau, thăm hỏi, thai sản đối với công nhân được chi trả kịp thời, nhanh chóng, đúng quy định của Nhà nước.

- Quy chế dân chủ trong công ty được xây dựng có hệ thống, công tác quản lý điều hành đảm bảo nghiêm túc, các hoạt động tài chính trong năm được công khai rõ ràng, đầy đủ. Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và theo Điều lệ công ty.

- Tổ chức Công đoàn luôn được công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động theo đúng Điều lệ công đoàn và Điều lệ công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

- Áp dụng các tiến bộ của KHKT vào trong sản xuất nông nghiệp, dồn điền đôn thửa, tập trung sản xuất phát triển các cây chủ lực trên địa bàn;

- Tham quan học hỏi các mô hình mẫu, mô hình tiên bộ để có hướng đi đột phá trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Ngày 26 tháng 03 năm 2022 công ty chúng tôi nhận được kết quả kiểm toán của công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY – Chi nhánh miền Trung, trong BCTC có ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán viên đối với BCTC năm 2021. Về việc này công ty chúng tôi xin được giải trình như sau:

“Nhu đã trình bày tại Thuyết minh số 11-Thuyết minh BCTC, tại ngày 31/12/2021 số dư vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không làm được thủ tục thay thế, vì vậy chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh phần số dư này hay không”:

Về khoản mục này, đây là bao gồm nhiều khoản vay từ các chương trình dự án vay không lãi suất, phát sinh từ lâu rồi; số dư dài hạn đến ngày 31/12/2021 chưa được đối chiếu là 2.411.975.000 đồng

“Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi, số tiền ước tính 850.000.000 VND, dẫn đến khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn” (mã số 130) trên bảng cân đối kế toán đang được ghi nhận quá là 850.000.000 VND. Đồng thời trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” được ghi nhận thiếu là 850.000.000 VND”

Về khoản mục này, đây là các khoản nợ đã phát sinh từ khi công ty đang ở loại hình TNHH MTV. Bao gồm khoản nợ của UBND xã Tân Phú 850.000.000 VND phát sinh từ năm 2017 (đây là giá trị tài sản trên đất và chi phí san ủi mặt bằng mà UBND xã Tân Phú – huyện Tân Kỳ phải trả cho Công ty TNHH 1TV Nông nghiệp Sông Con để nhận mặt bằng xây dựng trụ sở UBND xã) nhưng đến thời điểm kết thúc năm 2021 vẫn chưa trả cho công ty, trong năm UBND xã Tân Phú cũng đã ký xác nhận khoản nợ và cam kết sắp xếp để chi trả. Tại thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp công ty TNHH MTV đã đề nghị xử lý các khoản nợ này và loại ra khỏi giá trị Doanh nghiệp nhưng không được Ban chỉ đạo CPH của tỉnh chấp thuận.

Trong quá trình thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, đơn vị kiểm toán cũng đã đưa ra ý kiến đề nghị Công ty cần thực hiện trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản nợ phải thu này. Nhưng do đây là những năm đầu khi mới chuyển

đổi thành Công ty cổ phần, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19, nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả còn chưa cao. Do vậy trong giai đoạn này Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Vì lý do này nên trong báo cáo của Kiểm toán độc lập đưa ra ý kiến loại trừ đối với các khoản công nợ phải thu đã phát sinh lâu ngày nhưng chưa thu được với số tiền như trên.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đưa ra. Công ty đã có các biện pháp tích cực trong sản xuất kinh doanh để đạt các chỉ tiêu đề ra đặc biệt là doanh thu.

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đều được Giám đốc báo cáo HĐQT xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát. Các thành viên HĐQT, BKS đều thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

- Việc công bố thông tin luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

- Nói chung, Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Trong số 3 thành viên Hội đồng quản trị có 2 thành viên trong Ban Giám đốc nên việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT giao được gắn cụ thể với công tác điều hành; trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát Ban Giám đốc trong các lĩnh vực chính:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao thực hiện năm 2021;

- Tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

- Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Trong năm 2021 Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

Trong năm 2022, HĐQT sẽ tập trung vào những kế hoạch, định hướng như sau:

- Chuẩn bị chu đáo và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đảm bảo chất lượng.

- Hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt đồng thời xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty;

- Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy quản lý công ty một cách phù hợp, nâng cao trách nhiệm và năng lực điều hành của bộ máy quản lý Công ty, thực hiện tốt Nội quy, Quy chế điều hành của công ty đề ra;

- Hoàn thiện hợp đồng giao khoán từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần theo pháp nhân mới;

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Đẩy mạnh công tác dịch vụ thức ăn chăn nuôi cá vùng hồ Đức thịnh;

- Kiểm tra, thanh lý vườn cao su kinh doanh cũng như KTCB và một số vườn cây ăn quả có múi không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp sang trồng cây luân canh mía hoặc trồng cây khác có hiệu quả;

- Tổ chức thực hiện các cuộc họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất của HĐQT đảm bảo chất lượng và kịp thời để quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm 2022 đã được ĐHCĐ thông qua của Ban giám đốc.

- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

V. Quản trị công ty/Corporate governance. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

1.1. Danh sách HĐQT:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Bá Quý | Chủ tịch HĐQT – thành viên không điều hành |
| 2 | Ông Võ Hồng Điềm | Thành viên HĐQT – thành viên điều hành |
| 3 | Ông Nguyễn Quốc Mão | Thành viên HĐQT – thành viên điều hành |

- Sơ yếu lý lịch của từng thành viên HĐQT:

a. Ông Nguyễn Bá Quý:

| | |
|-----------------------|-------------------------------|
| Họ và tên: | Nguyễn Bá Quý |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày, tháng năm sinh: | 02/03/1960 |
| Nơi sinh: | Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An |
| Quốc tịch: | Việt Nam |

| | |
|---|--|
| Địa chỉ thường trú: | Khôi 3, TT Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An |
| CMT: | 187253456, ngày cấp 12/07/2010, nơi cấp: Nghệ An |
| Điện thoại: | 0912 187 560 |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư chế tạo máy |
| Chức vụ hiện nay: | Chủ tịch HĐQT công ty CPNN Sông Con |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Chủ tịch HĐQT công ty mía đường Sông Con |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/11/1982 đến 31/03/1993: Kỹ sư tại Xí Nghiệp vận tải 500 xe – công ty thủy điện Hòa Bình - Từ 1/4/1993 đến 30/09/2001: trưởng phòng kỹ thuật tại Xí nghiệp Đường Rượu Sông Con , huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. - Từ 01/10/2001 đến 31/05/2004: Phó giám đốc công ty cổ phần Mía đường Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. - Từ 01/06/2004 đến 30/09/2006: Giám đốc công ty CP mía đường Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An - Từ ngày 01/10/2006 đến 04/01/2017: Chủ tịch HĐQT công ty CP mía đường Sông Con - Từ 05/01/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT công ty CP mía đường Sông Con, kiêm chủ tịch HĐQT công ty CPNN Sông Con |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ | 638.440 cổ phần |
| Trong đó: | |
| -Sở hữu cá nhân | 0 CP |
| -Được ủy quyền đại diện công ty CP mía đường Sông Con | 638.400CP |
| Số lượng CP đang nắm giữ của những người liên quan | Không có |

| | |
|-----------------------------------|----------|
| Các khoản nợ đối với công ty | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | Không có |

b. Ông Võ Hồng Điềm:

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Võ Hồng Điềm |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 03/05/1969 |
| Nơi sinh: | Vĩnh Thành, Yên Thành, Nghệ An |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú: | Xã Tân Long, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An |
| CMND: | 181765115 |
| Điện thoại liên hệ: | 0984 916 747 |
| Trình độ chuyên môn: | ĐH mở Hà Nội – khoa Quản trị kinh doanh |
| Chức vụ hiện nay: | Giám đốc công ty CPNN Sông Con kiêm thành viên HĐQT |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Quá trình công tác: | -Từ tháng 2/1988 đến tháng 4/1991 Bộ đội đơn vị D59-C2-F261 F367 -Từ 10/1991 đến nay, làm việc tại công ty CPNN Sông Con |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ | 157.000 CP |
| Trong đó: -Sở hữu cá nhân: -Được ủy quyền đại diện số CP do UBND tỉnh Nghệ AN nắm giữ -Số lượng CP đang nắm giữ của những người liên quan | 157.000CP 0 CP Không có |
| Các khoản nợ đối với công ty | Không có |
| Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | Không có |

c. Ông Nguyễn Quốc Mão:

| | |
|------------|-----------------|
| Họ và tên: | Nguyễn Quốc Mão |
|------------|-----------------|

| | |
|--|--|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 06/06/1964 |
| Nơi sinh: | Thái Sơn, Đô Lương, Nghệ AN |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú: | Tân Phú, Tân Kỳ, Nghệ An |
| CMND: | 180845521 |
| Điện thoại liên hệ: | 0988 095 310 |
| Trình độ chuyên môn: | Đại học Nông Nghiệp |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc công ty |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Quá trình công tác: | -Từ 1982 đến 1987 học ĐH Nông nghiệp Huế-Hà Bắc -Từ 1987 đến nay công tác tại công ty CPNN Sông Con |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ | 776.260CP |
| Trong đó: -Sở hữu cá nhân: -Được ủy quyền đại diện số CP do UBND tỉnh Nghệ AN nắm giữ -Số lượng CP đang nắm giữ của những người liên quan | 4.500 CP 771.760CP Không có |
| Các khoản nợ đối với công ty | Không có |
| Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | Không có |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*): Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of*

Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.

- Hội đồng quản trị họp mỗi tháng 1 lần và họp đột xuất khi cần thiết để: Phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh của tháng trước và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của tháng tiếp theo; Duyệt các nội dung Hội đồng quản trị giao Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện trong các kỳ họp trước; Nghe kết quả giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Nghe và góp ý kiến vào nội dung báo cáo tháng của Ban kiểm soát.

- Trong số 3 thành viên Hội đồng quản trị có 2 thành viên trong Ban Giám đốc nên việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT giao được gắn cụ thể với công tác điều hành; Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát Ban giám đốc trong các lĩnh vực chính:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ giao thực hiện năm 2021

+ Tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

+ Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

- Năm 2021 Ban Giám đốc hoạt động điều hành hoàn thành tốt các nhiệm vụ HĐQT giao.

- Tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT

+ Năm 2021 Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các quyết định, nghị quyết của HĐQT.

- Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên đưa ra. Công ty đã có các biện pháp tích cực trong sản xuất kinh doanh để đạt các chỉ tiêu đề ra đặc biệt là doanh thu.

+ Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

+ Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đều được Giám đốc báo cáo HĐQT xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát. Các thành viên HĐQT, BKS đều thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

+ Việc công bố thông tin luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng,

nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

| ST T | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|------|------------|--|-----------------|
| 1 | 08/1/2020 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất các nội dung, nhiệm vụ HĐQT giao giám đốc thực hiện trong tháng 1/2021 - Tiếp tục đầu tư, chăm sóc vườn cây ăn quả cam quýt tập trung ở đồng cán bộ theo nội dung Tờ trình số 02/TTr-CTCPNNSC, ngày 07/01/2021 của Giám đốc công ty giao giám đốc công ty có kế hoạch cụ thể và chỉ đạo thực hiện việc đầu tư có hiệu quả. - Nhất trí với danh sách đề nghị tặng quà Tết tân Sửu 2021 cho các đồng chí lãnh đạo công ty qua các thời kỳ đã nghỉ hưu theo đề nghị của Giám đốc công ty. Mỗi suất quà trị giá 500.000đ và 01 lịch năm 2021. | 100% |
| 2 | 18/3/2021 | - Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 | 100% |
| 3 | 19/3/2023 | <ul style="list-style-type: none"> - Kết luận một số nội dung về tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2021 - Phê duyệt về tờ trình của Giám đốc công ty về kế hoạch sản xuất năm 2021 | 100% |
| 4 | 06/05/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất nội dung, nhiệm vụ HĐQT giao cho Giám đốc thực hiện trong tháng 5/2021: * Giao bà Phạm Thị Đào-Người quản trị công ty kiêm làm người công bố thông tin của Công ty. * Phê duyệt nội dung tờ trình số 62/TTr-CTCPNNSC ngày 04/05/2021 đề nghị bổ nhiệm các chức danh đội trưởng đội Đức | 100% |

| | | | |
|---|------------|---|------|
| | | Thịnh, Tân Long và Hồ Thành. | |
| 5 | 07/6/2021 | - Thống nhất các nội dung nhiệm vụ HĐQT giao giám đốc thực hiện trong tháng 1/2021 | 100% |
| 6 | 25/1/2021 | - Quyết định về việc duyệt chi trả lương tháng 13 năm 2020; thưởng phân loại lao động năm 2020 và thấp hương nguyên lãnh đạo đã mất nhân dịp tết Tân Sửu 2021 | 100% |
| 7 | 09/08/2021 | - Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh Trưởng phòng Hành Chính- Tổ chức | 100% |
| 8 | 06/12/2021 | - Thống nhất chuyển trả về địa phương diện tích đất 15.077,4 m2 để xã sử dụng xây dựng các công trình phục vụ dân sinh. | 100% |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Thành viên ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|------------------|--------------------------|
| 1. | Phạm Thị Đào | Trưởng ban kiểm soát |
| 2. | Phạm Thị Nhàn | Thành viên ban kiểm soát |
| 3. | Trần Thị Lan Anh | Thành viên ban kiểm soát |

a. Bà Phạm Thị Đào:

| | |
|------------|--------------|
| Họ và tên: | Phạm Thị Đào |
| Giới tính: | Nữ |

| | |
|--|--|
| Năm sinh: | 12/02/1993 |
| Nơi sinh: | Trạm xá nông trường Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An |
| CMND: | 187181062, ngày cấp 12/05/2017, nơi cấp: Công an Nghệ An |
| Điện thoại: | 0942 681 881 |
| Trình độ chuyên môn: | Cao đẳng |
| Chức vụ hiện nay: | Trưởng ban kiểm soát |
| Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |
| Quá trình công tác: | 03/2014-03/2015: làm việc tại công ty cổ phần BUCA 07/2015 đến nay: làm việc tại công ty CPNN Sông Con. |
| Số lượng cổ phiếu nắm giữ: | 200 CP |
| Trong đó: | |
| -Sở hữu cá nhân | 200CP |
| -Được ủy quyền đại diện: | 0CP |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không có |
| Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với công ty: | Không có |

b. Bà Phạm Thị Nhân:

| | |
|------------|--|
| Họ và tên: | Phạm Thị Nhân |
| Giới tính: | Nữ |
| Năm sinh: | 08/04/1963 |
| Nơi sinh: | Quảng Lộc, Quảng Trạch, Quảng Bình |
| CMND: | 181191895, ngày cấp 27/7/1999, nơi cấp: công an Nghệ |

| | |
|--|--|
| | An |
| Điện thoại: | 0356 331 787 |
| Trình độ chuyên môn: | Cao đẳng |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên ban kiểm soát |
| Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |
| Quá trình công tác: | Từ tháng 02/1982 đến nay làm việc tại công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con |
| Số lượng cổ phiếu nắm giữ: | 3500CP |
| Trong đó: | |
| -Sở hữu cá nhân | 3500CP |
| -Được ủy quyền đại diện: | 0 CP |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không có |
| Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với công ty: | Không có |

c. Bà Trần Thị Lan Anh:

| | |
|------------------------|---|
| Họ và tên: | Trần Thị Lan Anh |
| Giới tính: | Nữ |
| Năm sinh: | 15/11/1986 |
| Nơi sinh: | Đà Sơn, Đô Lương, Nghệ An |
| CMND: | 186381454, ngày cấp 14/1/2004, nơi cấp: công an Nghệ An |
| Điện thoại: | 0396 388 268 |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên ban kiểm soát |
| Chức vụ nắm giữ tại tổ | Phó phòng kế toán công ty Mía đường Sông Con |

| | |
|--|---|
| chức khác: | |
| Quá trình công tác: | Từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2017 làm việc tại công ty mía đường Sông Con Từ 05/01/2017 đến nay kiêm thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần cấp nước Nghệ An. |
| Số lượng cổ phiếu nắm giữ: | 0 CP |
| Trong đó: -Sở hữu cá nhân -Được ủy quyền đại diện: | 0 CP 0 CP |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không có |
| Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với công ty: | Không có |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- Hoạt động của BKS tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của BKS đã ban hành và thông qua năm 2019. Hàng quý, BKS đều họp và thông qua một số vấn đề của công ty: giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế; tham dự đầy đủ các cuộc họp có liên quan, các cuộc họp giao ban, họp HĐQT; cũng như đưa ra các kiến nghị, ý kiến đối với HĐQT, ban giám đốc (BGĐ) công ty.

- Trong quá trình làm việc, do tính chất địa lý, do ảnh hưởng của dịch COVID nên BKS thực hiện trao đổi công việc qua email, qua điện thoại, để các hoạt động được kịp thời, liên tục và có hiệu quả;

- Trong năm 2021, BKS đã thực hiện 3 cuộc họp và tham dự đầy đủ các cuộc

họp của HĐQT, họp giao ban tháng và các cuộc họp khác có liên quan;

- Tình hình thực hiện kiểm tra giám sát đối với hoạt động công ty năm 2021 tập trung chủ yếu vào các trọng điểm như sau:
 - Giám sát việc tuân thủ điều lệ, nội quy, quy chế và việc chấp hành pháp luật trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty;
 - Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021 và các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành;
 - Kiểm tra báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021;
 - Ban kiểm soát tham gia vào tất cả các cuộc họp HĐQT, ban điều hành công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng cơ bản ở các đơn vị, đưa ra các ý kiến với HĐQT trong phạm vi trách nhiệm của mình.
 - Giám sát việc công bố thông tin định kỳ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*): không có

c) Họp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with*

internal shareholders: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance):*

- Chấp hành tốt các quy định về quản trị công ty đưa ra.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Trích: " báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021":

"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ"

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 11 - Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021 số dư vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho phần số dư này hay không.

Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi theo hướng với số tiền ước tính là 850.000.000 VND, dẫn đến khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán đang được ghi nhận quá là 850.000.000 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" được ghi nhận thiếu là 850.000.000 VND.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố,

cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*